

-----  
Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 02 - 2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Kiều Duy Chinh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Học.

Bà Trần Thị Thanh.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Hoàng Thị Hải Uyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:* Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 301/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị M, sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 5, xã NT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh Tạ Văn T, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Lục Xuân, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Đỗ Thị M trình bày như sau: Chị kết hôn với anh Tạ Văn T trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội vào ngày 26/4/2012. Sau khi kết hôn, chị về sống cùng anh T và gia đình tại thôn Lục Xuân, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 01 con chung là cháu Tạ Anh Đ, sinh ngày 28/3/2013. Quá trình sống với nhau, anh T thường xuyên uống rượu rồi chửi bới chị nhưng vì thương con nên chị cố gắng chịu đựng để vợ chồng hàn gắn tình cảm cùng nuôi dạy con khôn lớn. Khoảng tháng 02 năm 2020, anh T uống rượu, cãi nhau với chị và đã đuổi chị ra khỏi nhà. Sau đó anh T xuống nhà mẹ đẻ chị, xin lỗi chị và động viên chị về. Nhưng bản thân chị nhận thấy anh T không có sự thay đổi mà còn liên tục gọi điện chửi chị. Bản thân chị xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng cũng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 đến nay nên tình cảm không còn. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn T.

+ Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Anh Đ, sinh ngày 28/3/2013, hiện nay cháu đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

- Bị đơn là anh Tạ Văn T trình bày như sau: Anh và chị Đỗ Thị M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội vào năm 2012. Sau khi kết hôn chị M về sống cùng anh và gia đình tại thôn Lục Xuân, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội được khoảng 02 tháng thì vợ chồng anh ăn riêng nhưng vẫn sống chung cùng nhà với bố, mẹ anh. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng sống bình thường, không xảy ra chuyện gì. Đến ngày 06/01/2020 (Âm lịch) vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh có nghi ngờ chị M có ngoại tình với người khác. Chị M nói với anh là đi làm nhưng thực tế chị lại đi chơi. Anh gọi điện bảo chị về, chị không về, đến khi anh phải nhờ mẹ anh gọi điện thì chị M mới về. Hiện nay chị M đã về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân. Nay chị M xin ly hôn, anh hoàn toàn đồng ý và mong Tòa án giải quyết nhanh chóng để hai bên sớm ổn định cuộc sống riêng.

+ Về con chung: Có 01 con chung là cháu Tạ Anh Đ, sinh ngày 28/3/2013, cháu đang ở với anh. Khi ly hôn, anh xin được nuôi con và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Đỗ Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án như sau: Việc Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật, việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị M và xử cho chị M được ly hôn với anh Tạ Văn T; về con chung: Đề nghị giao con chung cho chị M nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T; về tài sản chung và nợ: Không có, nên không đề nghị xem xét; về án phí: Đề nghị buộc chị Đỗ Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Thị M có đơn xin ly hôn và giải quyết con chung với anh Tạ Văn T có địa chỉ cư trú tại thôn Lục Xuân, xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con nên thụ lý vụ án, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Tạ Văn T đến để giải quyết vụ án nhưng anh không đến. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị M và anh Tạ Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VX, huyện PT, Thành phố Hà Nội vào ngày 26/4/2012. Vợ chồng chị M, anh T sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 01 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân theo chị M trình bày là do anh T thường uống rượu và đánh đuổi chị ra khỏi nhà. Anh T cũng thừa nhận vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn, anh đã đuổi chị M về nhà bố, mẹ đẻ ở. Từ đó vợ chồng chị đã sống ly thân. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[3]. Về con chung: Chị M và anh T có 01 con chung là cháu Tạ Anh Đ, sinh ngày 28/3/2013, hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con thể hiện tình yêu của cha mẹ đối với con. Nhưng việc giao con cho ai nuôi phải xem xét đến điều kiện về vật chất cũng như các điều kiện khác để con cái phát triển bình thường. Bản thân cháu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ do vậy nên giao cháu Tạ Anh Đ cho chị Đỗ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tạ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

[5]. Về án phí: Đỗ Thị M chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 53, 55, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị M. Chị Đỗ Thị M được ly hôn với anh Tạ Văn T.

Về con chung: Giao cháu Tạ Anh Đ, sinh ngày 28/3/2013 cho chị Đỗ Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Tạ Văn T. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Về án phí: Chị Đỗ Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0003270 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Chị Đỗ Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Tạ Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hà Nội;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- VKSND huyện PT;
- THADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã VX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Kiều Duy Chính**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**





